

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) CHANGZHOU ZHONGTIAN FIRE-PROOF DECORATIVE SHEETS CO., LTD WEIXING VILLAGE, HENGLIN TOWN, WUJIN DISTRICT, CHANGZHOU, JIANGSU, CHINA TEL: +86 519 88500608 FAX: +86 519 88502918			Reference No. E247241863570037 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) NEW GENERATION COOPERATIVE JOINT STOCK COMPANY LOT 9, LANE 32 LINH DUONG STREET, HOANG LIET WARD, HOANG MAI DISTRICT, HANOI, VIETNAM TEL: 024.36816048 FAX: 024.36816049 TAX CODE: 0105096362			4. For Official Use Verification: origin.customs.gov.cn ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) ----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date <u>MAR. 09, 2024</u> Vessel's name / Aircraft etc. <u>HS BUSAN 2410W BY SEA</u> Port of Discharge <u>HAIPHONG, VIET NAM</u> <u>FROM SHANGHAI, CHINA TO HAIPHONG, VIET NAM BY SEA</u>					
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1	N/M	ELEVEN (11) PALLETS OF COMPACT LAMINATE HS CODE: 3921.90 *** **	"PE"	26500KGS G. W.	ZTHPL20240126-1 MAR. 05, 2024
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct that all the products were produced in ----- (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to ----- (Country) Nanjing, China, MAR. 11, 2024 Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  Nanjing, China, MAR. 11, 2024 Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Issued Retroactively ☐ Movement Certificate			☐ Exhibition ☐ Third Party Invoicing		

2410127363

Verification of Compliance



No. EC.1282.0K140520.CZFQS14

Test Report No. HO-14/CPR-537

Certificate's Holder: Changzhou Zhongtian Fire-Proof
Decorative Sheets Co., Ltd.
Weixing Industrial Zone, Henglin Town, Changzhou,
China

Product: Compact Laminate / High Pressure Laminate
(HPL)

Model(s): 1220*1830(4'x6'), 1220*2440(4'x8'),
1220*3050(4'x10'), 1220*3660(4'x12'),
1300*2800(4.3'x9'), 1300*3050(4.3'x10'),
1530*1830(5'x6'), 1530*3050(5'x10'),
1530*3660(5'x12'), 1830*1830(6'x6'),
1830*2440(6'x8'), 1830*3660(6'x12').
Thickness: 0.5mm-30mm

Verification to Standard:
EN 438-1:2005, EN 438-2:2005,
EN 13501-1:2007+A1:2009, EN 717-1:2004

related to:
Regulation R 305/2011 (for the Marketing of Construction
Products)

Remark: This Verification of Compliance has been issued on a voluntary basis. ECM confirms that a Technical Construction File (TCF) is existent for the above listed product(s). The TCF satisfactorily covers the essential requirements of the above listed standards related to **Regulation R 305/2011 (for the Marketing of Construction Products)**. Other relevant Directives have to be observed in case they are applicable. This Document is only valid for the equipment and configuration described and in conjunction with the TCF detailed above. Whereas the Manufacturer is responsible of the certification of the product(s) and not exempted to perform all the necessary activities before placing the product(s) on the market. The Manufacturer is also responsible of the internal production control to ensure the product(s) are in compliance with the essential requirements of the above mentioned Directive(s). This certificate can be checked for validity at www.entecerma.org

Date of issue MAY 2014

Certification Chief Manager
Tim Mahan



Expiry date MAY 2019

Certification Deputy Manager
Vivian Miller



Ente Certificazione Macchine Srl

Via C. B. 243 - Loc. Castello di Serravalle - 40053 Valsamoggia (BO) - Italy

☎ +39 051 6705141 ☎ +39 051 6705156 ✉ info@entecerma.it 🌐 www.entecerma.it

Số/No: 24 / TN1 / 1430 - 1

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử / Sample:** BÀN LÊ THM01
- Khách hàng / Customer:** CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC THẾ HỆ MỚI
NEW GENERATION COOPERATIVE JOINT STOCK COMPANY
- Số lượng mẫu / Quantity:** 01
- Tình trạng mẫu / Observation:** Xem ảnh đính kèm / See attached photo
- Ngày nhận mẫu / Reception date:** 12 / 07 / 2024
- Thời gian thử nghiệm / Test duration:** 12 / 07 / 2024
- Ngày hoàn thành / Completion date:** 12 / 07 / 2024
- Phương pháp thử / Test methods:** ASTM E 1086 - 22
- Kết quả thử nghiệm / Result of testing:** Xem trang sau / See next page

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
 Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


 Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 15 / 07 / 2024

GIÁM ĐỐC / Director



THỦ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....24../TN1../1249.-.3.....

Trang/Page:.....2/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test method	MỨC QUY ĐỊNH Requirements	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học <i>Chemical compositions</i>	ASTM E1086 - 22	JIS G4303 – SUS 304	
	• Carbon		≤ 0,080	0,0602
	• Silicon		≤ 1,000	0,4218
	• Sulfur		≤ 0,030	0,0067
	• Phosphorus		≤ 0,045	0,0347
	• Manganese		≤ 2,000	0,8461
	• Nickel		8,000 ÷ 10,500	8,2113
	• Chromium		18,000 ÷ 20,000	18,0093
	• Molybdenum		-	0,0026
	• Vanadium		-	0,1307
	• Copper		-	0,0189
	• Tungsten		-	0,0103

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



Số/No: 24 / TN1 / 1430 - 1

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test method	MỨC QUY ĐỊNH Requirements	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học <i>Chemical compositions</i>	ASTM E1086 - 22	JIS G4303 – SUS 304	
	• Carbon		≤ 0,080	0,0361
	• Silicon		≤ 1,000	0,4058
	• Sulfur		≤ 0,030	0,0020
	• Phosphorus		≤ 0,045	0,0289
	• Manganese		≤ 2,000	1,2128
	• Nickel		8,000 ÷ 10,500	8,0303
	• Chromium		18,000 ÷ 20,000	18,0798
	• Molybdenum		-	0,0047
	• Vanadium		-	0,1185
	• Copper		-	0,0175
	• Tungsten		-	0,0102

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



Handwritten signature

Số/No: 24 / TN1 / 1249 - 5

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test method	MỨC QUY ĐỊNH Requirements	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học <i>Chemical compositions</i>	ASTM E1086 - 22	JIS G4303 – SUS 304	
	• Carbon %		≤ 0,080	0,1449
	• Silicon Si		≤ 1,000	0,3619
	• Sulfur S		≤ 0,030	0,0194
	• Phosphorus P		≤ 0,045	0,0383
	• Manganese Mn		≤ 2,000	1,2120
	• Nickel Ni		8,000 ÷ 10,500	8,2286
	• Chromium Cr		18,000 ÷ 20,000	18,0691
	• Molybdenum Mo		-	0,0703
	• Vanadium V		-	0,0841
	• Copper Cu		-	0,2808
	• Tungsten W		-	0,0048

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



12

Số/No:.....24 / TN1 / 1249 - 3.....

Trang/Page:.....1/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu thử / Sample: | KHÓA CỬA |
| 2. Khách hàng / Customer: | CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC THỂ HỆ MỚI
NEW GENERATION COOPERATIVE JOINT STOCK COMPANY |
| 3. Số lượng mẫu / Quantity: | 01 |
| 4. Tình trạng mẫu / Observation: | Xem ảnh đính kèm / See attached photo |
| 5. Ngày nhận mẫu / Reception date: | 20 / 06 / 2024 |
| 6. Thời gian thử nghiệm / Test duration: | 20 / 06 / 2024 |
| 7. Ngày hoàn thành / Completion date: | 20 / 06 / 2024 |
| 8. Phương pháp thử / Test methods: | ASTM E 1086 - 22 |
| 9. Kết quả thử nghiệm / Result of testing: | Xem trang sau / See next page |



P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
 Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 21 / 06 / 2024
GIÁM ĐỐC / Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24 / TN1 / 1249 - 5

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử / Sample:** KE GÓC
- Khách hàng / Customer:** CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC THỂ HỆ MỚI
NEW GENERATION COOPERATIVE JOINT STOCK COMPANY
- Số lượng mẫu / Quantity:** 01
- Tình trạng mẫu / Observation:** Xem ảnh đính kèm / See attached photo
- Ngày nhận mẫu / Reception date:** 20 / 06 / 2024
- Thời gian thử nghiệm / Test duration:** 20 / 06 / 2024
- Ngày hoàn thành / Completion date:** 20 / 06 / 2024
- Phương pháp thử / Test methods:** ASTM E 1086 - 22
- Kết quả thử nghiệm / Result of testing:** Xem trang sau / See next page

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
 Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


 Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 21 / 06 / 2024
GIÁM ĐỐC / Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....24../TN1../1249.-2.....

Trang/Page:.....2/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test method	MỨC QUY ĐỊNH Requirements	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học <i>Chemical compositions</i>	ASTM E1086 - 22	JIS G4303 – SUS 304	
	• Carbon		≤ 0,080	0,0432
	• Silicon		≤ 1,000	0,5185
	• Sulfur		≤ 0,030	0,0083
	• Phosphorus		≤ 0,045	0,0300
	• Manganese		≤ 2,000	0,8557
	• Nickel		8,000 ÷ 10,500	8,1264
	• Chromium		18,000 ÷ 20,000	18,1868
	• Molybdenum		-	0,0193
	• Vanadium		-	0,0796
	• Copper		-	0,0321
	• Tungsten		-	0,0070

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



Số/No: 24 / TN1 / 1249 - 2

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử / Sample:** TAY NẮM CỬA
- Khách hàng / Customer:** CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC THỂ HỆ MỚI
NEW GENERATION COOPERATIVE JOINT STOCK COMPANY
- Số lượng mẫu / Quantity:** 01
- Tình trạng mẫu / Observation:** Xem ảnh đính kèm / See attached photo
- Ngày nhận mẫu / Reception date:** 20 / 06 / 2024
- Thời gian thử nghiệm / Test duration:** 20 / 06 / 2024
- Ngày hoàn thành / Completion date:** 20 / 06 / 2024
- Phương pháp thử / Test methods:** ASTM E 1086 - 22
- Kết quả thử nghiệm / Result of testing:** Xem trang sau / See next page

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.



Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 21 / 06 / 2024
GIÁM ĐỐC / Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....24 / TN1 / 1249 - 1.....

Trang/Page:.....1/2...

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử / Sample:** CHÂN VÁCH NGĂN
- Khách hàng / Customer:** CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC THỂ HỆ MỚI
NEW GENERATION COOPERATIVE JOINT STOCK COMPANY
- Số lượng mẫu / Quantity:** 01
- Tình trạng mẫu / Observation:** Xem ảnh đính kèm / See attached photo
- Ngày nhận mẫu / Reception date:** 20 / 06 / 2024
- Thời gian thử nghiệm / Test duration:** 20 / 06 / 2024
- Ngày hoàn thành / Completion date:** 20 / 06 / 2024
- Phương pháp thử / Test methods:** ASTM E 1086 - 22
- Kết quả thử nghiệm / Result of testing:** Xem trang sau / See next page

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
 Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 21 / 06 / 2024

GIÁM ĐỐC / Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24./TN1./1249.-1.....

Trang/Page: 2/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test method	MỨC QUY ĐỊNH Requirements	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học <i>Chemical compositions</i>	ASTM E1086 - 22	JIS G4303 – SUS 304	
	• Carbon C		≤ 0,080	0,0638
	• Silicon Si		≤ 1,000	0,3765
	• Sulfur S		≤ 0,030	0,0026
	• Phosphorus P		≤ 0,045	0,0291
	• Manganese Mn		≤ 2,000	1,0411
	• Nickel Ni		8,000 ÷ 10,500	8,2786
	• Chromium Cr		18,000 ÷ 20,000	18,2770
	• Molybdenum Mo		-	0,0020
	• Vanadium V		-	0,1258
	• Copper Cu		-	0,0194
	• Tungsten W		-	0,0100

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



12

Số/No:.....24../TN1../1249-4.....

Trang/Page:.....2/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử / Sample:** **BẢN LÊ**
- Khách hàng / Customer:** **CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC THẾ HỆ MỚI**
NEW GENERATION COOPERATIVE JOINT STOCK COMPANY
- Số lượng mẫu / Quantity:** **01**
- Tình trạng mẫu / Observation:** *Xem ảnh đính kèm / See attached photo*
- Ngày nhận mẫu / Reception date:** **20 / 06 / 2024**
- Thời gian thử nghiệm / Test duration:** **20 / 06 / 2024**
- Ngày hoàn thành / Completion date:** **20 / 06 / 2024**
- Phương pháp thử / Test methods:** **ASTM E 1086 - 22**
- Kết quả thử nghiệm / Result of testing:** *Xem trang sau / See next page*

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 21 / 06 / 2024

GIÁM ĐỐC / Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.*
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.*
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.*

Số/No: 24 / TN1 / 1249 - 4

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test method	MỨC QUY ĐỊNH Requirements	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học Chemical compositions	ASTM E1086 - 22	JIS G4303 – SUS 304	
	• Carbon	%	≤ 0,080	0,0501
	• Silicon	Si	≤ 1,000	0,4242
	• Sulfur	S	≤ 0,030	0,0046
	• Phosphorus	P	≤ 0,045	0,0364
	• Manganese	Mn	≤ 2,000	0,9069
	• Nickel	Ni	8,000 ÷ 10,500	8,2831
	• Chromium	Cr	18,000 ÷ 20,000	18,1710
	• Molybdenum	Mo	-	0,0036
	• Vanadium	V	-	0,1031
	• Copper	Cu	-	0,0187
	• Tungsten	W	-	0,0067

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



Số/No: 24 / TN1 / 1430 - 2

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử / Sample:** BÀN LÈ THM02
- Khách hàng / Customer:** CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC THẾ HỆ MỚI
NEW GENERATION COOPERATIVE JOINT STOCK COMPANY
- Số lượng mẫu / Quantity:** 01
- Tình trạng mẫu / Observation:** Xem ảnh đính kèm / See attached photo
- Ngày nhận mẫu / Reception date:** 12 / 07 / 2024
- Thời gian thử nghiệm / Test duration:** 12 / 07 / 2024
- Ngày hoàn thành / Completion date:** 12 / 07 / 2024
- Phương pháp thử / Test methods:** ASTM E 1086 - 22
- Kết quả thử nghiệm / Result of testing:** Xem trang sau / See next page

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 15 / 07 / 2024
GIÁM ĐỐC / Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24 / TN1 / 1430 - 2

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test method	MỨC QUY ĐỊNH Requirements	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học <i>Chemical compositions</i>	ASTM E1086 - 22	JIS G4303 – SUS 304	
	• Carbon C		≤ 0,080	0,0333
	• Silicon Si		≤ 1,000	0,3879
	• Sulfur S		≤ 0,030	0,0037
	• Phosphorus P		≤ 0,045	0,0318
	• Manganese Mn		≤ 2,000	1,2387
	• Nickel Ni		8,000 ÷ 10,500	8,1103
	• Chromium Cr		18,000 ÷ 20,000	18,2711
	• Molybdenum Mo		-	0,0049
	• Vanadium V		-	0,1147
	• Copper Cu		-	0,0184
	• Tungsten W		-	0,0101

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



Handwritten signature



Số/No:.....24../TN1../1249 - 6.....

Trang/Page:.....1/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử / Sample: MÓC ÁO
- Khách hàng / Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC THỂ HỆ MỚI
NEW GENERATION COOPERATIVE JOINT STOCK COMPANY
- Số lượng mẫu / Quantity: 01
- Tình trạng mẫu / Observation: Xem ảnh đính kèm / See attached photo
- Ngày nhận mẫu / Reception date: 20 / 06 / 2024
- Thời gian thử nghiệm / Test duration: 20 / 06 / 2024
- Ngày hoàn thành / Completion date: 20 / 06 / 2024
- Phương pháp thử / Test methods: ASTM E 1086 - 22
- Kết quả thử nghiệm / Result of testing: Xem trang sau / See next page

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


Nguyễn Văn Minh

Hà Nội, ngày 21 / 06 / 2024

GIÁM ĐỐC / Director



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 24./TN1./1249 - 6

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test method	MỨC QUY ĐỊNH Requirements	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học <i>Chemical compositions</i>	ASTM E1086 - 22	JIS G4303 – SUS 304	
	• Carbon C		≤ 0,080	0,0249
	• Silicon Si		≤ 1,000	0,5045
	• Sulfur S		≤ 0,030	0,0040
	• Phosphorus P		≤ 0,045	0,0334
	• Manganese Mn		≤ 2,000	1,0671
	• Nickel Ni		8,000 ÷ 10,500	8,2858
	• Chromium Cr		18,000 ÷ 20,000	18,3545
	• Molybdenum Mo		-	0,0027
	• Vanadium V		-	0,1189
	• Copper Cu		-	0,0365
	• Tungsten W		-	0,0092

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



R

